QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ QUẢNG THỦY, THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ QUẢNG THỦY, THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

TỶ LỆ 1/5.000

HOA GIÓ

TỶ LỆ XÍCH: 10m 0 10m 20m 30m 40m

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Loại đất	Kí hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ chiếm đất (%)
	TỔNG CỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT		277,18	100,00
I	ĐẤT NÔNG NGHIỆP		124,03	44,75
1	ĐẤT TRỒNG LÚA		80,96	0,36
1.1	ĐẤT TRỒNG LÚA BẢO TỒN	LUABT	72,27	
1	Đất trồng lúa bảo tồn 1	LUABT1	3,93	
2	Đất trồng lúa bảo tồn 2	LUABT2	3,39	
3	Đất trồng lúa bảo tồn 3	LUABT3	9,10	
4	Đất trồng lúa bảo tồn 4	LUABT4	14,17	
5	Đất trồng lúa bảo tồn 5	LUABT5	12,57	
6	Đất trồng lúa bảo tồn 6	LUABT6	9,51	
7	Đất trồng lúa bảo tồn 7	LUABT7	4,62	
8	Đất trồng lúa bảo tồn 8	LUABT8	4,34	
9	Đất trồng lúa bảo tồn 9	LUABT9	6,48	
10	Đất trồng lúa bảo tồn 10	LUABT10	0,64	
11	Đất trồng lúa bảo tồn 11	LUABT11	3,52	
1.2	ĐẤT TRỒNG LÚA ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN ĐỔI	LUCĐ	8,69	
1	Đất trồng lúa được phép chuyển đổi 1	LUCĐ1	2,16	
2	Đất trồng lúa được phép chuyển đổi 2	LUCĐ2	1,70	
3	Đất trồng lúa được phép chuyển đổi 3	LUCĐ3	3,53	
4	Đất trồng lúa được phép chuyển đổi 4	LUCĐ4	1,30	
2	ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	NTS	4,27	0,72
1	Đất nuôi trồng thủy sản 1	NTS1	0,39	
2	Đất nuôi trồng thủy sản 2	NTS2	1,14	
3	Đất nuôi trồng thủy sản 3	NTS3	1,59	
4	Đất nuôi trồng thủy sản 4	NTS4	1,15	
3	ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM	BHK	4,40	
1	Đất trồng cây hàng năm 1	BHK1	0,72	
2	Đất trồng cây hàng năm 2	BHK2	1,00	
3	Đất trồng cây hàng năm 3	BHK3	2,68	
4	ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT	RSX	34,40	
	Đất rừng sản xuất	RSX1	34,40	
II	ĐẤT XÂY DỰNG		147,76	53,31
1	ĐẤT Ở		87,69	0,36
1,1	ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG	OHT	57,62	0,40
	Đất ở hiện trạng 1	OHT1	6,22	
	Đất ở hiện trạng 2	OHT2	2,88	
	Đất ở hiện trạng 3	OHT3	4,84	
	Đất ở hiện trạng 4	OHT4	5,46	
	Đất ở hiện trạng 5	OHT5	2,54	
	Đất ở hiện trạng 6	OHT6	3,88	
	Đất ở hiện trạng 7	OHT7	6,93	
	Đất ở hiện trạng 8	OHT8	4,32	
	Đất ở hiện trạng 9	OHT9	2,57	
	Đất ở hiện trạng 10	OHT10	2,03	
	Đất ở hiện trạng 11	OHT11	6,17	
	Đất ở hiện trạng 12	OHT12	6,47	
	Đất ở hiện trạng 13	OHT13	2,21	
1,2	ĐẤT NHÀ Ở MỚI	OM	30,17	0,43
	Đất nhóm nhà ở mới 1	OM1	0,87	
	Đất nhóm nhà ở mới 2	OM2	3,55	
	Đất nhóm nhà ở mới 3	OM3	4,31	
	Đất nhóm nhà ở mới 4	OM4	1,32	
	Đất nhóm nhà ở mới 5	OM5	6,09	
	Đất nhóm nhà ở mới 6	OM6	2,98	
	Đất nhóm nhà ở mới 7	OM7	5,15	
	Đất nhóm nhà ở mới 8	OM8	5,90	
2	ĐẤT CÔNG CỘNG		7,62	0,92
2.1	ĐẤT NHÀ VĂN HÓA	NVH	1,31	0,96
1	Đất nhà văn hóa thôn Xuân Thủy	NVH1	0,22	
2	Đất nhà văn hóa thôn Thượng Thủy	NVH2	0,25	
3	Đất nhà văn hóa thôn Trung Thủy	NVH3	0,25	
4	Đất nhà văn hóa thôn Nam Thủy	NVH4	0,06	
5	Đất nhà văn hóa thôn Đông Bắc	NVH5	0,28	
6	Đất quy hoạch nhà văn hóa Trung Tâm	NVH6	0,25	
2.2	ĐẤT GIÁO DỤC	GD	1,68	0,99
1	Trường Tiểu học, THCS xã Quảng Thủy	GD1	1,34	
2	Trường Mầm non xã Quảng Thủy	GD2	0,34	
2.3	ĐẤT TRỤ SỞ CƠ QUAN, Y TẾ, CHỢ	CC	4,63	0,83
1	UBND xã Quảng Thủy	CC1	0,25	
2	Bưu điện xã	CC2	0,03	
3	Chợ xã Quảng Thủy	CC3	0,19	
4	Đất trạm Y tế xã	CC4	0,21	
5	Đất bệnh viện vùng Nam	CC5	3,60	
6	Đất trụ sở Công an	CC6	0,20	
7	Đất Quốc phòng	CC7	0,15	
3	ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC, THỂ THAO	CX	3,49	1,08
1	Đất thể dục thể thao xã	CX1	0,89	
2	Đất sân thể thao thôn	CX2	0,06	
3	Đất cây xanh bình hương	CX3	2,54	
4	ĐẤT DI TÍCH, TÍN NGƯỠNG	DDT,TIN	0,73	1,44
	Đất tín ngưỡng	TIN	0,73	
5	ĐẤT TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP, LÀNG NGHỀ	TTCN	5,19	1,80
	Đất Tiểu thủ công nghiệp (Làng nghề)	TTCN1	5,19	
6	ĐẤT XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG KHÁC		1,73	2,16
	Đất Nông nghiệp khác	NHK	1,73	
7	ĐẤT XỬ LÝ CHẤT THẢI	DRR	0,15	2,53
8	ĐẤT GIAO THÔNG	GT, TL	33,95	2,89
9	ĐẤT NGHĨA ĐỊA	NTD	7,21	3,25
1	Đất nghĩa địa Cồ Bà	NTD1	3,27	
2	Đất nghĩa địa Sóc Cồm	NTD2	2,53	
3	Đất nghĩa địa Cồn Hồng	NTD3	1,30	
4	Nghĩa trang liệt sỹ	NTD4	0,11	
III	ĐẤT KHÁC		5,39	1,94
1	ĐẤT AO HỒ, SÔNG SUỐI, MẶT NƯỚC	SMN	5,39	0,36
1	Đất sông suối mặt nước 1 (Hồi Trường)	SMN1	4,20	
2	Đất sông suối mặt nước 2	SMN2	0,99	
3	Đất sông suối mặt nước 3	SMN3	0,20	

KÝ HIỆU QUY HOẠCH

TT	KHUÔN VIÊN ĐẤT NGHIÊN CỨU	KÍ HIỆU
1	ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG	
2	ĐẤT NHÀ Ở MỚI	
3	ĐẤT CÔNG CỘNG	
4	ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS	
5	ĐẤT Y TẾ	
6	ĐẤT TRỤ SỞ CƠ QUAN	
7	ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH	
8	ĐẤT TRUNG TÂM TDTT	
9	ĐẤT CÂY XANH HÀNG LANG	
10	ĐẤT TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG	
11	ĐẤT LÀNG NGHỀ	
12	ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC	
13	ĐẤT NGHĨA ĐỊA	
14	ĐẤT TRỒNG LÚA	
15	ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM	
16	ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT	
17	MẶT NƯỚC, SÔNG SUỐI	
18	ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	
19	ĐẤT GIAO THÔNG	

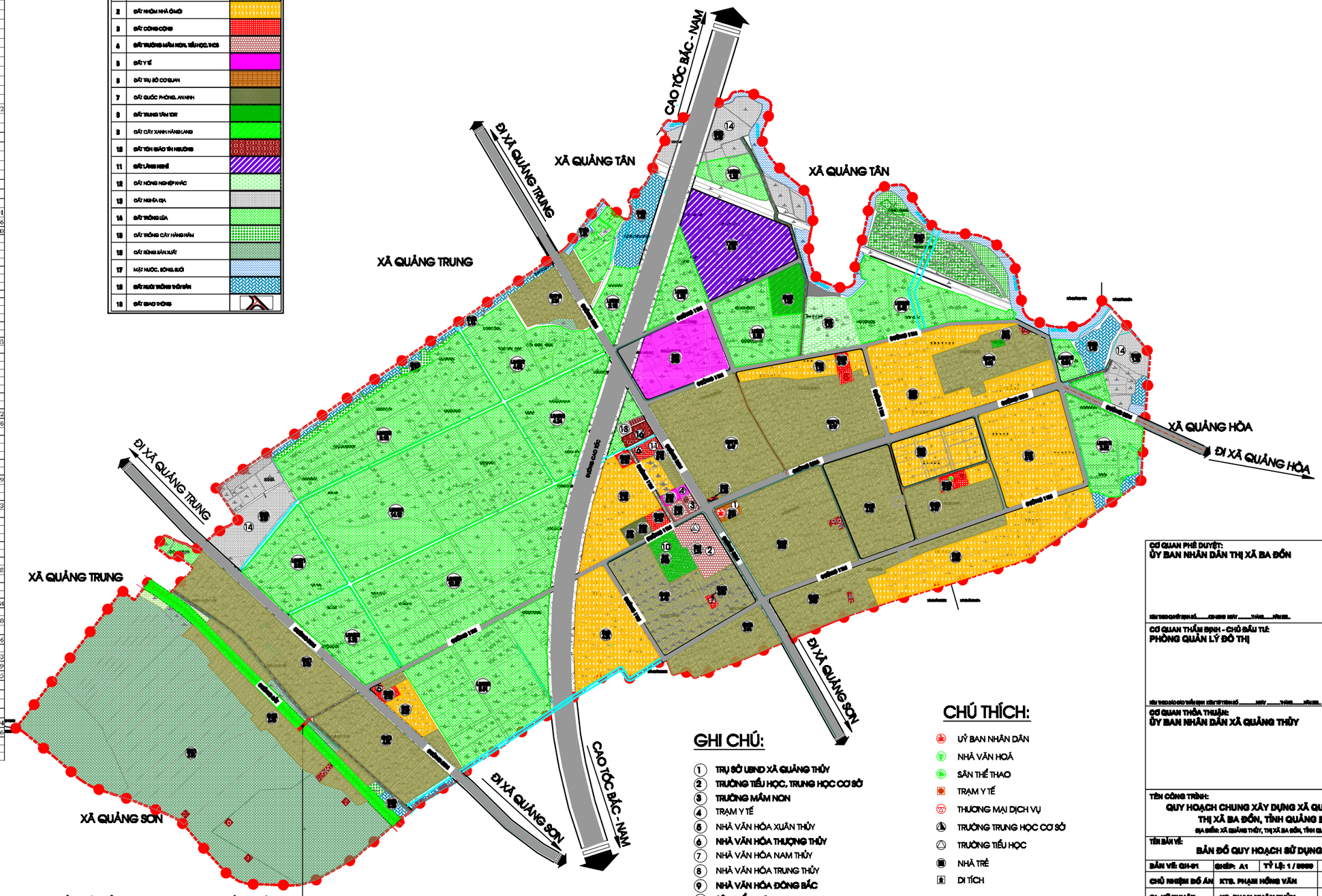

ĐIỂM TIỀM ẨN ATGT TRÊN ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA
(LỐI ĐI TỰ MỞ NGANG QUA ĐƯỜNG SẮT)

LÝ TRÌNH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI - TP HỒ CHÍ MINH: KM478+210

GHI CHÚ:

1. TRỤ SỞ UBND XÃ QUẢNG THỦY
2. TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ
3. TRƯỜNG MẦM NON
4. TRẠM Y TẾ
5. NHÀ VĂN HÓA XUÂN THỦY
6. NHÀ VĂN HÓA THƯỢNG THỦY
7. NHÀ VĂN HÓA NAM THỦY
8. NHÀ VĂN HÓA TRUNG THỦY
9. NHÀ VĂN HÓA ĐÔNG BẮC
10. SÂN THỂ THAO
11. CHỢ
12. BƯU ĐIỆN XÃ
13. NGHĨA TRANG LIỆT SỸ
14. NGHĨA ĐỊA
15. TRUNG TÂM VĂN HÓA XÃ
16. ĐẤT DI TÍCH

CHÚ THÍCH:

- UỶ BAN NHÂN DÂN
- NHÀ VĂN HOÁ
- SÂN THỂ THAO
- TRẠM Y TẾ
- THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- NHÀ TRẺ
- DI TÍCH
- RANH GIỚI QUY HOẠCH

KÝ HIỆU KHUÔN VIÊN — DIỆN TÍCH KHU ĐẤT

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 20...

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH - CHỦ ĐẦU TƯ:
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH KÈM THEO SỐ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 20...

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG THỦY

TÊN CÔNG TRÌNH:
QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ QUẢNG THỦY, THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH
ĐỊA ĐIỂM: XÃ QUẢNG THỦY, THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-01	GHÉP: A1	TỶ LỆ: 1 / 5000	HOÀN THÀNH: 202...
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN	KTS. PHẠM HỒNG VĂN		
QL KỸ THUẬT	KS. PHAN XUÂN THỦY		
CHỦ TRÌ KIỂM	KTS. PHẠM HỒNG VĂN		
THIẾT KẾ VẼ	KS. NGUYỄN THỊ ÁNH		

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN VĂN ÚT

CÔNG TY TNHH THỦY ÚT
ĐỊA CHỈ: 104 LÂM ÚY, PHƯỜNG BA ĐỒN, THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH
ĐT: 0946.88.16.38 - EMAIL : THUYUTCB@GMAIL.COM